

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2026

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hải Quân.

2. Bà Vũ Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: bà Vy Khánh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Hoàng Thị P, sinh năm 1981; căn cước công dân số: 020181005***; địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn M, sinh năm 1979; căn cước công dân số: 020079007***; địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị P và anh Nông Văn M kết hôn năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, vợ chồng được tự do tìm hiểu nhau, không bị ai ép buộc, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó, anh M đi làm ăn

xa dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh M cũng không liên lạc, hỏi thăm vợ con. Vợ chồng chị đã ly thân được hơn 10 năm nay, chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Kể từ khi ly thân, vợ chồng không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Hoàng Thị P xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nông Văn M.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị P và anh Nông Văn M có 01 người con chung là Nông Đức T1, sinh ngày 22/02/2005, hiện nay con chung cháu Nông Đức T1 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên các nội dung như đã khai tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nông Văn M vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Do không thể thỏa thuận, giải quyết được nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo trình tự tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị P về việc ly hôn với anh Nông Văn M.

- Về con chung: Có 01 người con chung là Nông Đức T1, sinh ngày 22/02/2005, hiện nay cháu Nông Đức T1 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Hoàng Thị P và anh Nông Văn M, chị P vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do. Việc vắng mặt của chị P, anh M không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Hoàng Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn. Bị đơn anh Nông Văn M có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã V, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2003, chị Hoàng Thị P và anh Nông Văn M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó anh M đi làm ăn xa, không liên lạc, hỏi thăm vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng chị đã ly thân được hơn 10 năm nay, chị P đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Kể từ khi ly thân, vợ chồng không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh M không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị P được ly hôn với anh M là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị P, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị P và anh Nông Văn M có 01 người con chung là Nông Đức T1, sinh ngày 22/02/2005, hiện đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, sức khỏe lao động bình thường đảm bảo tự nuôi sống bản thân; chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị P - Xử cho nguyên đơn chị Hoàng Thị P được ly hôn với bị đơn anh Nông Văn M.
2. Về con chung: Chị Hoàng Thị P và anh Nông Văn M có 01 người con chung là Nông Đức T1, sinh ngày 22/02/2005 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
3. Về tài sản chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị P đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0000978, ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 – Lạng Sơn;
- UBND xã Vân Nham, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Tuyết